

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
đất thuê đối với 12 khu đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27/3/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND thành phố Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020-2024;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của UBND thành phố và Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27/3/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi, bổ sung giá đất tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020-2024;

Căn cứ Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho năm 2024 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất thuê đối với 12 khu đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố về việc đấu giá quyền sử dụng đất thuê đối với 12 khu đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1280 /QĐ-UBND ngày 19 / 6 /2024 của UBND thành phố phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất thuê đối với 13 khu đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1745/STC-GCS ngày 07/6/2024; kết luận Hội đồng thẩm định giá đất thành phố tại Công văn số 106/HĐTĐGD ngày 07/6/2024; Kết luận của UBND thành phố tại phiên họp ngày 12/6/2024 theo Thông báo số 256/TB-VP ngày 17/6/2024 của Văn phòng UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất thuê đối với 12 khu đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất thuê theo hình thuê đất trả tiền một lần đối với 03 khu đất (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).
2. Đơn giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất thuê theo hình thuê đất trả tiền hàng năm đối với 09 khu đất (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Căn cứ giá khởi điểm tại Điều 1 nêu trên Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, tổ chức đấu giá theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Chủ tịch UBND các quận: Hải Châu, Cẩm Lệ, Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn và Chủ tịch UBND huyện Hòa Vang; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thực hiện./. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP UBND TP;
- Lưu: VT, STC.

14



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ THEO HÌNH THỨC THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN MỘT LẦN ĐỐI VỚI 03 KHU ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: 1302 /QĐ-UBND ngày 21 / 6 /2024 của UBND thành phố)

TT	Tên các khu đất	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Giá đất tại bảng giá đất	Hệ số điều chỉnh giá đất xác định lại	Giá khởi điểm đầu giá thuê đất trả tiền một lần (Đồng/m ²)
1	2	3	4	5	6	7	8=6*7
1	Khu đất ký hiệu C2-9B thuộc Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến Quốc lộ 1A, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Đường Nguyễn Văn Vĩnh và Huỳnh Tịnh Của	2.974,4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng kho tàng)	2.956.000	2,53	7.478.680
2	Khu đất có ký hiệu B4-2 Khu trú bão và neo đậu tàu thuyền Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà	Đường Vững Thùng 9 và Vân Đồn	1.021,0	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (xây dựng nhà kho thủy sản)	11.158.000	1,24	13.835.920
3	Khu đất thương mại dịch vụ tại lô đất TMDV thuộc dự án Khu số 2 Trung tâm đô thị mới Tây Bắc	Đường Hoàng Thị Loan, Đặng Minh Khiêm	804,5	Đất Thương mại dịch vụ (xây dựng Văn phòng cho thuê)	15.554.800	1,55	24.109.940

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ THEO HÌNH THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN HÀNG NĂM ĐỐI VỚI 09 KHU ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: 1302 /QĐ-UBND ngày 21 / 6 /2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên các khu đất	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Giá đất tại bảng giá đất	Hệ số điều chỉnh giá đất xác định lại	Mức tỷ lệ % tính đơn giá trả tiền hàng năm	Đơn giá khởi điểm đầu giá thuê đất trả tiền hàng năm (Đồng/m ² /năm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9=6 x 7 x 8
1	Khu đất số 522B Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Đường Nguyễn Lương Bằng	6.336,7	Đất cơ sở y tế (Xây dựng Bệnh viện đa khoa)	6.025.700	3,17	1%	191.015
2	Khu đất ký hiệu A2-2 Khu dân cư An Hòa 4, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Đường Trần Thánh Tông, Nại Thịnh 7, Nại Thịnh 5, Vân Đồn	9.525,0	Đất cơ sở y tế (Xây dựng Bệnh viện đa khoa)	16.535.900	1,64	1%	271.189
3	Khu đất 172 Nguyễn Chí Thanh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Đường Nguyễn Chí Thanh, Phan Châu Trinh, Thái Phiên	1.639,6	Đất giao thông (Xây dựng bãi đỗ xe)	15.811.000	1,27	1%	200.800
4	Khu đất 51A Lý Tự Trọng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	đường Lý Tự Trọng	892,7	Đất giao thông (Xây dựng bãi đỗ xe)	9.147.000	2,22	1%	203.063

TT	Tên các khu đất	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Giá đất tại bảng giá đất	Hệ số điều chỉnh giá đất xác định lại	Mức tỷ lệ % tính đơn giá trả tiền hàng năm	Đơn giá khởi điểm đầu giá thuê đất trả tiền hàng năm (Đồng/m ² /năm)
5	Khu đất tại 383 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	2.991,3	Đất giao thông (Xây dựng bãi đỗ xe)	3.630.000	1,88	1%	68.244
6	Khu đất ký hiệu A2-8 thuộc Khu E2 mở rộng (giai đoạn 1), phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Trần Quốc Thảo, Trần Nam Trung, Liêm Lạc 5	10.964,0	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội (xây dựng Viện Dưỡng lão)	4.839.000	4,27	1%	206.625
7	Khu đất có ký hiệu A8 thuộc Khu E mở rộng - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Cồn Dầu 4, Cồn Dầu 6, Cồn Dầu 7	2.277,0	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (Xây dựng trường mầm non)	3.313.487	5,58	1%	184.893
8	Khu đất A2-2 KDC Phía Nam Bùi Tá Hán, quận Ngũ Hành Sơn	Đường Mạc Thiên Tích	1.480,0	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (Xây dựng trường mầm non)	6.280.000	2,99	1%	187.772
9	Khu Siêu thị tại khu đất A12 thuộc Khu TĐC số 6 Vệt khai thác quỹ đất tuyến DT 602	Đường ĐT 602, xã Hòa Sơn	3.640,5	Đất Thương mại dịch vụ (Xây dựng Siêu thị)	3.350.100	2,82	1%	94.473